

Số: 1818/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 28 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v quy định nội dung và mức hỗ trợ đầu tư các cơ sở sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm Nhãn và nông sản khác năm 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 21/01/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển công nghiệp chế biến nông sản tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 21/01/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản tập trung, bền vững, ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND ngày 28/02/2020 của HĐND tỉnh ban hành chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Căn cứ Công văn số 723-CV/TU ngày 19/7/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình trong công tác sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm Nhãn và nông sản khác năm 2021;

Căn cứ Công văn số 35/TTHĐND ngày 27/7/2021 của Thường trực HĐND tỉnh về việc tham gia ý kiến đối với dự thảo Phương án hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình trong công tác sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 306/TTr-SNN ngày 23/7/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành quy định nội dung và mức hỗ trợ đầu tư các cơ sở sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm Nhãn và nông sản khác năm 2021 trên địa bàn tỉnh Sơn La, cụ thể như sau: *ph*

1. Nguyên tắc, đối tượng hỗ trợ

a) Hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình đầu tư xây dựng kho bảo quản, contener bảo quản, lò sấy, máy móc thiết bị để sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm Nhãn, Xoài, Mận, Chanh leo và các loại rau trên địa bàn tỉnh Sơn La.

b) Việc hỗ trợ chỉ áp dụng đối với các cơ sở đầu tư, hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm 2021, được các cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận và không có khiếu kiện, tranh chấp.

c) Trong trường hợp nội dung hỗ trợ có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án khác nhau thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất, nhưng chỉ được hưởng một hình thức hỗ trợ cho một nội dung đầu tư.

Một doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình thực hiện đầu tư nhiều nội dung sẽ được hỗ trợ đối với từng nội dung đầu tư theo quy định.

2. Điều kiện, nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ xây dựng kho bảo quản (đông lạnh, kho lạnh)

- Điều kiện hỗ trợ: áp dụng đối với các kho bảo quản có diện tích từ 50m² trở lên.

- Nội dung và mức hỗ trợ: hỗ trợ kinh phí 500.000 đồng/m² xây dựng kho và 30% chi phí mua thiết bị nhưng tối đa không quá 500 triệu đồng/doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình.

b) Hỗ trợ Công ten nơ đông lạnh, lạnh (chỉ thực hiện hỗ trợ đối với các hộ gia đình)

- Điều kiện hỗ trợ: áp dụng đối với các Công ten nơ đông lạnh, lạnh loại 20feet (dài 6m, rộng 2,4m, cao 2,6m) trở lên.

- Nội dung và mức hỗ trợ: hỗ trợ 70% tổng mức đầu tư về lắp điện và mua thiết bị làm lạnh nhưng tối đa không quá 50 triệu đồng/hộ gia đình.

c) Hỗ trợ lò sấy hơi nhiệt, nhiệt lạnh

- Điều kiện hỗ trợ: áp dụng đối với các lò sấy hơi nhiệt, nhiệt lạnh có diện tích lò sấy từ 10m² trở lên.

- Nội dung và mức hỗ trợ: hỗ trợ kinh phí 2.000.000 đồng/m² xây dựng lò sấy hơi (Lò sấy và thiết bị) nhưng tối đa không quá 60 triệu đồng/hợp tác xã, hộ gia đình.

d) Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến theo Chương trình Khuyến công

- Điều kiện hỗ trợ: áp dụng đối với việc mua máy móc, thiết bị tiên tiến sử dụng trong sản xuất, chế biến, bảo quản bảo đảm theo quy định tại Quyết định số 38/2018/QĐ-UBND ngày 02/11/2018 của UBND tỉnh Sơn La Ban hành Quy chế quản lý kinh phí và mức chi cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Sơn La.

- Nội dung và mức hỗ trợ: hỗ trợ 50% tổng mức đầu tư nhưng không quá 300 triệu đồng/doanh nghiệp, hợp tác xã. ✎

3. Thời gian thực hiện: Năm 2021.

4. Kinh phí, nguồn kinh phí hỗ trợ

a) Dự kiến kinh phí triển khai thực hiện: 22.000 triệu đồng (*Bằng chữ: Hai mươi hai tỷ đồng*).

b) Nguồn kinh phí thực hiện

- Ngân sách tỉnh năm 2021 đã phân bổ để triển khai thực hiện Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND và các nguồn cân đối, cấp bổ sung từ nguồn ngân sách tỉnh theo quy định.

- Nguồn sự nghiệp khuyến công năm 2021.

- Nguồn cân đối ngân sách huyện, thành phố.

5. Tổ chức thực hiện

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương ban hành văn bản Hướng dẫn liên ngành về lập dự toán ngân sách; lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ; nghiệm thu; hồ sơ chi trả kinh phí hỗ trợ cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình thuộc đối tượng được hưởng hỗ trợ theo Quyết định này.

- Thường xuyên theo dõi, đôn đốc các huyện, thành phố trong triển khai thực hiện; phối hợp với các cơ quan chức năng tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng với UBND tỉnh; Tham mưu với UBND tỉnh tổ chức tổng kết thực hiện trong Quý I năm 2022.

b) Sở Tài chính

- Tổng hợp dự toán của các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố tham mưu trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh dự toán, bổ sung cân đối từ nguồn ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện để thực hiện.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện việc hỗ trợ theo quyết định này.

c) Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện có hiệu quả hỗ trợ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 1 Quyết định này.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện việc hỗ trợ theo quyết định này.

d) Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện việc hỗ trợ theo quyết định này.

đ) UBND các huyện, thành phố

- Xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện, triển khai thực hiện các nội dung hỗ trợ theo quy định.

- Căn cứ hướng dẫn của liên ngành Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương. Hướng dẫn các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ; nghiệm thu, tiến hành chi trả trực tiếp hỗ trợ cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình trên địa bàn. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND tỉnh về phê duyệt đối tượng thụ hưởng chính sách, kết quả thẩm định, nghiệm thu và hồ sơ chi trả cấp phát hỗ trợ theo quy định.

- Tổng hợp dự toán thực hiện gửi Sở Tài chính thẩm định, trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

- Báo cáo kịp thời kết quả, những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện Quyết định này gửi Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh để chỉ đạo giải quyết.

6. Chế độ báo cáo

Định kỳ trước ngày 16 hàng tháng các Sở, Ban, Ngành, UBND các huyện, thành phố báo cáo kết quả triển khai Quyết định này về UBND tỉnh (*qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*). Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp kết quả triển khai trên địa bàn tỉnh báo cáo UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan trước ngày 20 hàng tháng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh cần sửa đổi, bổ sung, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chủ động gửi ý kiến bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết kịp thời.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy (b/c);
- TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các huyện ủy, thành ủy (phối hợp chỉ đạo);
- Như điều 3;
- Chánh văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT. Biên KT. 55 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Công